

## LỊCH SỬ VỀ MỞ MANG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THỜI XƯA Ở QUẢNG BÌNH

PHAN THANH TỊNH

**T**ừ ngàn xưa, giao thông đường thủy ở nước ta đã chiếm ưu thế gần như tuyệt đối trong đời sống của người Việt Nam. Nước ta là một nước có nhiều sông ngòi, kênh rạch. Cuộc sống con người gắn liền với sông nước, trên bến dưới thuyền, ngược xuôi dò dọc dò ngang đi lại giao thoa, buôn bán giữa các vùng miền đã sớm hình thành và phát triển. Ngoài việc sử dụng lợi thế của biển rộng sông dài trên một dải non sông hình cong chữ S mà thiên nhiên ban cho, ông cha ta còn chủ động đào thêm các kênh, hói để dẫn nước, đặc biệt là phát triển đường thủy nội địa rất thuận tiện cho việc sử dụng các thuyền nhỏ. Trong quân sự việc hành quân vận tải bằng thuyền kết hợp đường bộ vừa tiện lợi vừa giữ được bí mật. Bởi thế dân gian có câu:

*“Thà nhẹ lướt trong kênh còn hơn lênh đênh trên biển”.*

Ở phía bắc sông Gianh, thuyền từ cửa khẩu Kỳ Anh (Hà Tĩnh) vào cửa Ròn, từ Ròn dùng thuyền nhỏ đi dọc hói Di Luân vào Xuân Kiều, ngoại Hải.

Đời Lý Nhân Tông (1075), Thái úy Quốc công Lý Thường Kiệt đã đem quân vào trấn giữ. Ông cho vẽ địa đồ vùng đất phủ Quảng Bình và cho quân dân nạo vét các con hói này.

Đến năm 1467, vua Lê Thánh Tông đã cho đào các kênh ở Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình và Thuận Hóa. Thời bấy giờ chưa có đường lớn, chỉ có đường đất tiểu mạch xen kẽ nối liền với các kênh, hói.

Dựa vào các hói tự nhiên ở bắc sông Gianh, vua đã cho mở rộng, nạo vét và đào thêm con kênh đoạn từ Di Luân đến Xuân Kiều vào Hói Tre và Hói Kịa. Hói Kịa được khởi đào mở rộng thành Kênh Kịa.

Do đoạn kênh đào này có bùn và các loại

cây ngập mặn, vua phải đi bằng kiệu do các hộ công cáng. Để tưởng nhớ sự kiện này người ta đặt tên kênh là Kênh Kiệu. Nhưng vì từ “kênh kiệu” là tính từ có nghĩa là đồng đánh, làm bộ, vì thế người ta nói chệch ra là Kênh Kịa. Còn Xuân Kiều là cái tên được đặt có nghĩa là nhịp cầu xuân bởi làng này có con kênh đi qua thuyền bè, dân chúng qua lại đông đúc như nhịp cầu trải hội mùa xuân vậy.

*“Từ Xuân Kiều ra đến Di Luân*

*Thuyền em nhẹ lướt mùa xuân qua cầu”*

Những câu ca mà người dân vùng này hát đến nay vẫn còn đọng lại. Nhân dân gọi hói Di Luân là “Hói Nhà Lê”.

Như vậy kể cả hói tự nhiên và kênh đào thông từ sông Ròn vào sông Gianh đã trở thành một hệ thống đường thủy nội địa thông thương cả một vùng rộng lớn ở bắc sông Gianh, đã tạo điều kiện cho dân chúng đi lại buôn bán từ Đàng Ngoài vào Đàng Trong, đã biến vùng này thành một vùng phát triển sầm uất, thịnh vượng.

Đến thời vua Quang Trung Nguyễn Huệ hành quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh, hệ thống kênh hói này được sử dụng triệt để, góp phần vào cuộc hành quân thần tốc, độc nhất vô nhị trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Từ cửa nam sông Gianh trở vào vận tải thủy hầu hết dựa vào đường thủy của sông Nhật Lệ, thuyền chở thư tín, quân lương, hàng hóa từ Động Hải (Động Hói) lên chợ Hòm Trạm (thuộc làng Mỹ Trạch), từ đó dùng loại thuyền nhỏ gọi là “nôóc ngao” theo hói sông Ngò vào Bàu Sen (thuộc xã Sen Thủy), rồi dùng xe trâu xuống thuyền vào Bến Hải, thẳng phá Tam Giang vào Phú Xuân (Huế). Song song với tuyến đường này quân lính cũng như

khách bộ hành hầu hết đi bộ hoặc đi cáng.

Biết được sự tiện lợi của đường thủy nội địa, năm 1402 thời nhà Hồ đã cho khởi công đào kênh Sen, nối từ sông Ngò (Lệ Thủy) vào sông Sa Lung ở Vĩnh Linh để vận tải quân lương. Do địa chất và địa tầng vùng này là cát và bùn nên đào đến đâu bị sụt lở và lấp đến đó. Vì thế ý đồ nối liền vận tải đường thủy nội địa Bắc - Nam bằng kênh Sen phải bỏ dở.

Đến thời Lê Thánh Tông (1460-1497) trên đường vào chinh phạt mở rộng về phía Nam, thấy rõ tầm quan trọng và lợi ích của tuyến đường thủy này, vua đã ra lệnh đào kênh Sen. Thời bấy giờ có ông Mai Văn Bản - Lý trưởng làng Thủy Liên. Sau khi vua cùng các quan chức hành lễ khởi công thì ông Bản quý xuống can vua. Ông lý giải là đất vùng này toàn cát và bùn không đào được, thời nhà Hồ trước đây đã đào rồi nhưng bị thất bại. Nay đào tiếp sẽ không mang lại kết quả mà lại hao tổn sức dân. Thấy có người dám ngang nhiên cản trở việc lớn, vua hạ lệnh chém đầu thị uy và ra lệnh nhanh chóng khởi công, không ai được ngăn trở chống lại. Sau chuyển vào Nam chinh phạt Chiêm Thành trở về Bắc, ra đến Bàu Sen, vua thấy kênh đào đã bị cát bồi lấp cạn. Vua truyền các vị chức sắc quản hạt địa phương và các bộ lão đến hỏi nguyên nhân. Được biết ông Mai Văn Bản là một trung thần suốt đời tận tụy vì dân vì nước, bản tính lại ăn ngay nói thẳng. Hối hận vì ra lệnh chém ông, vua bèn cho lập miếu thờ, bốn mùa cử người hương khói, cúng tế gọi là miếu ông Bản.

Truyền thuyết kể lại rằng khi vua ra đến Bàu Sen, voi vua ngự đứng lại, giơ cao vòi hí vang không chịu đi. Lấy làm lạ, nhà vua phán hỏi dân tình. Có người nói đây là chỗ ông Bản bị vua chém và mộ của ông trước mặt. Thấy được sự oan khiên của người cương trực, vua đã cho lập miếu thờ và tặng câu đối:

“Nhất phiến trung can trường ngự tượng  
Thiên thu chính khí nghiệm kim ô”

Nghĩa là: Một tấm lòng ngay thẳng khiến voi vua dừng bước, ngàn thu chính khí động đến mặt trời.

Miếu thờ ông Bản trước Cách mạng tháng

Tám 1945 vẫn còn đến khi thực dân Pháp đánh chiếm và đổ hộ Quảng Bình, chúng đã dùng bom mìn phá hủy, bởi chúng cho rằng miếu đó là nơi Việt Minh thường xuyên về ẩn náu và móc nối hoạt động.

Dưới triều chúa Nguyễn Phúc Trăn năm Mậu Thân (1668) lại cho đào kênh Sen, nhưng đào đến đâu cũng bị cát bùn sụt lở bồi lấp đến đó vì thế công trình phải bỏ dở.

Đến năm Tân Mão (1831), vua Minh Mạng liền cho một số cận thần từ Huế ra khảo sát lại địa chất thấy quả là khó khăn liền cho đào một đoạn kênh đi lên phía Sa Lung ngang qua núi Chân Sơn để tránh cát vùi lấp nhưng lại gặp phải địa tầng là đá cứng không đào được đành phải bỏ dở. Thời đó dân đặt cho đoạn kênh đào này một cái tên rất hay là kênh Bảo Đài tức là bãi đào, thật ngò ngộ, dí dỏm. Sau đó triều đình nhà Nguyễn đã vài lần (từ 1889-1918) cho các cận thần kỹ sư ra khảo sát nghiên cứu để đào tiếp nhưng cũng bị thất bại. Từ đó về sau việc đào kênh Sen cũng chấm dứt.

Ngày nay theo Quốc lộ 1A vào đến địa phận xã Sen Thủy, giáp Vĩnh Linh (Quảng Trị), nằm cạnh phía tây đường người ta còn thấy dấu tích con kênh đào bỏ dở. Dọc lòng kênh Sen mọc rất nhiều hoa hồng thắm nở thoang thoang hương thơm. Cái tên kênh Sen là vì lẽ đó. Người ta cũng cho rằng: Hoa ngát hương thơm là tấm lòng trung trực sáng soi nhật nguyệt của ông Bản - một con người cương trực, yêu nước thương dân đã tiên đoán ra việc thất bại của công trình kênh đào này.

Ngày nay với sự phát triển vượt bậc của những thành tựu khoa học kỹ thuật và được cơ giới hóa cao, máy móc hiện đại đã thay thế cho lao động bằng tay của con người. Tuy nhiên, các quyết sách và ý tưởng đào kênh để phát triển giao thông đường thủy nội địa là sáng tạo và đúng đắn. Những truyền thuyết từ xa xưa lưu lại đã chứng minh quyết tâm và ý chí của con người đã biết lợi dụng thế đất - thế nước để đào kênh, đào hói. Dù thành công hay thất bại nhưng tất cả đều cùng hướng tới một mục đích phát triển kinh tế phục vụ dân sinh và quốc phòng thời bấy giờ ■